



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÔNG BA**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/02/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

*Vốn điều lệ: 604.882.610.000 đồng*

*Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2017: 604.882.610.000 đồng*

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (0236) 3653 592 - (0236) 3653 596
- Fax: (0236) 3653 593
- Email: sba2007@songba.vn
- Website: www.songba.vn

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 97 người; trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                         |              |                          |
|-------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành      | Chủ tịch     | Được bầu ngày 10/04/2015 |
| • Ông Thái Văn Thắng    | Phó Chủ tịch | Được bầu ngày 10/04/2015 |
| • Ông Phạm Phong        | Thành viên   | Được bầu ngày 10/04/2015 |
| • Ông Nguyễn Lương Minh | Thành viên   | Được bầu ngày 10/04/2015 |
| • Ông Trương Thành Nam  | Thành viên   | Được bầu ngày 10/04/2015 |

### **Ban kiểm soát**

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phan Thị Anh Đào     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2016     |
| • Bà Nguyễn Thị Trần Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2016     |
| • Ông Trần Quang Cần      | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                      |                   |                              |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Phong     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Nguyễn Thế Duy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2015 |
| • Ông Phạm Thái Hùng | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2015 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vnn.vn).

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 08 năm 2017





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 856/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 24/07/2017 của Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 33.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 07 năm 2017



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.443.031.031</b>	<b>86.738.892.153</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.360.932.969</b>	<b>14.819.783.143</b>
1. Tiền	111	5	7.360.932.969	14.819.783.143
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.615.942.676</b>	<b>64.573.199.461</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.078.366.446	48.425.521.593
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.791.197.974	3.358.851.758
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	17.746.378.256	12.788.826.110
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.180.214.200</b>	<b>2.077.928.466</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.180.214.200	2.077.928.466
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.285.941.186</b>	<b>5.267.981.083</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	1.831.925.666	4.846.684.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		445.123.922	421.296.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	8.891.598	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.287.339.206.563</b>	<b>1.316.146.018.494</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.004.000.000</b>	<b>2.004.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.004.000.000	2.004.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.268.972.509.174</b>	<b>1.295.414.238.228</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.263.797.247.374	1.290.232.698.669
- Nguyên giá	222		1.600.765.617.650	1.600.087.543.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.968.370.276)	(309.854.845.072)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.175.261.800	5.181.539.559
- Nguyên giá	228		5.478.061.800	5.478.061.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.800.000)	(296.522.241)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.691.273.761</b>	<b>5.691.273.761</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.691.273.761	5.691.273.761
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.671.423.628</b>	<b>13.036.506.505</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	10.671.423.628	13.036.506.505
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.376.782.237.594</b>	<b>1.402.884.910.647</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>696.427.835.802</b>	<b>714.301.340.927</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.693.835.802</b>	<b>130.397.340.927</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.871.259.740	5.910.174.163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.656.290.142	1.134.215.089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	15.024.966.172	18.771.430.469
4. Phải trả người lao động	314		3.009.793.937	1.169.557.865
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.034.906.939	8.779.658.446
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	31.696.988.373	25.391.903.134
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	72.509.776.200	67.720.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.889.854.299	1.520.401.761
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>561.734.000.000</b>	<b>583.904.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	561.734.000.000	583.904.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>680.354.401.792</b>	<b>688.583.569.720</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>680.354.401.792</b>	<b>688.583.569.720</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(95.000.000)	(95.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	7.260.810.603	7.260.810.603
4. Cổ phiếu quỹ	415	20	(1.588.920.333)	(1.588.920.333)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	15.130.424.088	13.916.957.675
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	54.764.477.434	64.207.111.775
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	635.264.318	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	54.129.213.116	64.207.111.775
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.376.782.237.594</b>	<b>1.402.884.910.647</b>



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	140.654.462.489	52.862.040.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		140.654.462.489	52.862.040.140
4. Giá vốn hàng bán	11	22	<u>44.380.943.537</u>	<u>18.357.270.963</u>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b><u>96.273.518.952</u></b>	<b><u>34.504.769.177</u></b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	141.932.327	18.949.613
7. Chi phí tài chính	22	24	30.006.209.378	31.546.750.170
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	29.720.145.676	31.459.324.884
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	<u>6.622.848.060</u>	<u>2.322.433.071</u>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b><u>59.786.393.841</u></b>	<b><u>654.535.549</u></b>
11. Thu nhập khác	31	26	120.456.611	87.713.077
12. Chi phí khác	32	27	<u>283.877.973</u>	<u>495.314.161</u>
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b><u>(163.421.362)</u></b>	<b><u>(407.601.084)</u></b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b><u>59.622.972.479</u></b>	<b><u>246.934.465</u></b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.493.759.363	149.770.594
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b><u>54.129.213.116</u></b>	<b><u>97.163.871</u></b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	898	2
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	898	2



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		136.231.370.072	106.904.817.029
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(9.729.141.246)	(17.523.830.341)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.894.520.367)	(6.864.232.794)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	17, 24	(29.956.144.051)	(31.491.050.621)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(7.406.841.939)	(4.566.500.797)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.970.335.039	18.624.904.122
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.485.713.408)	(29.226.390.285)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>67.729.344.100</b>	<b>35.857.716.313</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.910.075.464)	(72.773.962)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	141.932.327	18.949.613
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.768.143.137)</b>	<b>(53.824.349)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	3.439.776.200	9.239.121.425
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(20.820.000.000)	(16.430.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18,20	(54.039.827.337)	(23.786.858.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(71.420.051.137)</b>	<b>(30.977.737.299)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.458.850.174)</b>	<b>4.826.154.665</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.819.783.143	838.160.183
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>7.360.932.969</b>	<b>5.664.314.848</b>



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/02/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Trong đó, thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Krông H' năng áp dụng tại Công ty dài hơn so với thời gian khấu hao quy định. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29 tháng 06 năm 2011. Theo đó, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	15



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H' năng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Cụ thể:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{khấu hao} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian khấu hao} \\ \text{của TSCĐ theo đăng} \\ \text{ký với Cơ quan thuế}} \times \frac{\text{Công suất} \\ \text{thiết kế trung} \\ \text{ bình mỗi năm}}{\text{Sản lượng điện} \\ \text{thực tế đã phát} \\ \text{trong kỳ}}$$

### 4.5 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Phần mềm máy tính	5



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí trồng rừng: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 60 tháng;
- Chi phí chăm sóc rừng: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng kể từ khi nghiệm thu chăm sóc rừng;
- Chi phí bảo hiểm tài sản, xe ô tô: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mua trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại các hợp đồng kinh tế. Cụ thể:
  - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên: Căn cứ theo Hợp đồng số 05/2011/KHEDIEN/EVNPC-SBA ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 03 ngày 12/10/2016 với Tổng Công ty Điện lực miền Trung (đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm).
  - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Krông H'nh: Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 06/2012/HĐ-NMĐ-KRH ngày 10/06/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 24/08/2016 với Tập đoàn điện lực Việt Nam (theo giá phát điện cạnh tranh).
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.16 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm; Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Krông H'nh: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Krông H'nh có thu nhập chịu thuế. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2022.  
*Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 36121000085/03/03/2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.*
  - ✓ Hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	1.520.857.303	787.921.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.840.075.666	14.031.861.346
<b>Cộng</b>	<b>7.360.932.969</b>	<b>14.819.783.143</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.447.534.309	8.214.963.977
Công ty mua bán điện	46.473.719.415	39.229.787.178
Các đối tượng khác	1.157.112.722	980.770.438
<b>Cộng</b>	<b>54.078.366.446</b>	<b>48.425.521.593</b>

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

		30/06/2017	01/01/2017
Mối quan hệ			
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	6.447.534.309	8.214.963.977
Công ty mua bán điện	ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN	46.473.719.415	39.229.787.178
<b>Cộng</b>		<b>52.921.253.724</b>	<b>47.444.751.155</b>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thủy lợi	2.969.766.000	2.969.766.000
Công ty CP Phú An Dương	210.440.000	210.440.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng điện	720.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng & Cơ khí P.L.T	724.624.488	-
Các đối tượng khác	1.166.367.486	178.645.758
<b>Cộng</b>	<b>5.791.197.974</b>	<b>3.358.851.758</b>

**8. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	17.310.836.696	-	12.074.364.614	-
Phải thu khác	435.541.560	-	714.461.496	-
<b>Cộng</b>	<b>17.746.378.256</b>	<b>-</b>	<b>12.788.826.110</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.004.000.000	-	2.004.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.004.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.004.000.000</b>	<b>-</b>

**9. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	323.028.252	-	933.460.018	-
Công cụ, dụng cụ	898.921.667	-	895.760.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	958.264.281	-	248.708.448	-
<b>Cộng</b>	<b>2.180.214.200</b>	<b>-</b>	<b>2.077.928.466</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 30/06/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2017.

**10. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí bảo hiểm	8.715.466	52.016.018
Chi phí sửa chữa tài sản	1.171.731.539	1.917.314.361
Chi phí sửa chữa, vật tư thiết bị CTTĐ Krông H'năng	338.530.000	1.319.262.364
Chi phí trồng và chăm sóc rừng CTTĐ Krông H'năng	312.948.661	1.558.091.547
<b>Cộng</b>	<b>1.831.925.666</b>	<b>4.846.684.290</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	478.885.644	246.650.381
Chi phí trung tu, đại tu tổ máy	1.872.741.389	3.317.406.333
Chi phí vật tư thí nghiệm	41.750.002	55.666.668
Chi phí cắm mốc lòng hồ CTTĐ Krông H'năng	1.860.239.607	2.048.464.083
Chi phí cắm mốc lòng hồ CTTĐ Khe Diên	1.230.801.202	1.287.721.591
Chi phí sửa chữa máy biến áp, tài sản	137.065.844	29.198.125
Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt, chi phí khác	55.356.967	57.899.755
Chi phí trồng rừng CTTĐ Krông H'năng	4.994.582.973	5.993.499.569
<b>Cộng</b>	<b>10.671.423.628</b>	<b>13.036.506.505</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	1.184.055.609.156	334.580.065.801	81.158.664.955	293.203.829	1.600.087.543.741
Tăng trong kỳ	-	-	678.073.909	-	678.073.909
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.184.055.609.156</b>	<b>334.580.065.801</b>	<b>81.836.738.864</b>	<b>293.203.829</b>	<b>1.600.765.617.650</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	150.485.333.086	132.642.894.806	26.484.572.441	242.044.739	309.854.845.072
Khấu hao trong kỳ	13.463.112.588	11.109.391.565	2.535.905.141	5.115.910	27.113.525.204
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>163.948.445.674</b>	<b>143.752.286.371</b>	<b>29.020.477.582</b>	<b>247.160.649</b>	<b>336.968.370.276</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	1.033.570.276.070	201.937.170.995	54.674.092.514	51.159.090	1.290.232.698.669
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.020.107.163.482</b>	<b>190.827.779.430</b>	<b>52.816.261.282</b>	<b>46.043.180</b>	<b>1.263.797.247.374</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.258.540.814.428 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 3.366.662.318 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.
- Căn cứ theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng về việc “Phê duyệt phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định”, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Krông H’ năng kể từ năm 2011. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng) đối với các tài sản tham gia trực tiếp sản xuất điện năng và đã gửi công văn thông báo cho Cục thuế (số 223/11/S3-TC ngày 09/06/2011) nhưng cho đến nay vẫn chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng.
- Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó tại khoản c, điểm 2, điều 13 quy định một trong các điều kiện áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế. Ngày 31/07/2013, SBA đã có Công văn số 279/13/S3-TCKT gửi đến Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến hướng dẫn về việc áp dụng đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC vào thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13633/BTC-TCDN đồng ý cho Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm đối với các TSCĐ trực tiếp tham gia sản xuất điện năng mà Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp không đạt 100% công suất thiết kế với điều kiện phải đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ vay đầu tư của các tổ chức tín dụng và thời gian trích khấu hao không được vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.175.261.800</b>	<b>302.800.000</b>	<b>5.478.061.800</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	296.522.241	296.522.241
Khấu hao trong kỳ	-	6.277.759	6.277.759
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>302.800.000</b>	<b>302.800.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	6.277.759	5.181.539.559
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.175.261.800</b>	<b>-</b>	<b>5.175.261.800</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (trình bày tại Thuyết minh số 19).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 302.800.000 đồng.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản	5.691.273.761	5.691.273.761
- Nhà máy thủy điện Krông H' năng 2 (*)	1.291.509.910	1.291.509.910
- Nhà máy thủy điện Sông Tranh 1 (*)	4.399.763.851	4.399.763.851
<b>Cộng</b>	<b>5.691.273.761</b>	<b>5.691.273.761</b>

(\*) Dự án NMTĐ Krông H' năng 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 đồng và dự án NMTĐ Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 đồng. Hai dự án trên đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt để điều chỉnh quy hoạch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Phải trả người bán

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	1.000.000.000	1.000.000.000
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	-	3.459.345.969
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng điện	-	763.636.364
Các đối tượng khác	871.259.740	687.191.830
<b>Cộng</b>	<b>1.871.259.740</b>	<b>5.910.174.163</b>

#### b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN	1.000.000.000	1.000.000.000
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN	-	3.459.345.969
<b>Cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>4.459.345.969</b>

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Bảo Phúc Tâm	925.371.821	925.371.821
Công ty Lưới điện Cao Thế Miền Trung	650.918.321	-
Các đối tượng khác	80.000.000	208.843.268
<b>Cộng</b>	<b>1.656.290.142</b>	<b>1.134.215.089</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	7.026.068.130	14.646.496.281	15.121.626.095	6.550.938.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.035.886.168	5.493.759.363	7.406.841.939	2.122.803.592
Thuế thu nhập cá nhân	7.160.005	1.750.216.010	825.264.483	932.111.532
Thuế tài nguyên	5.693.706.526	10.579.901.333	11.898.367.247	4.375.240.612
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.008.609.640	2.608.982.060	3.573.719.580	1.043.872.120
<b>Cộng</b>	<b>18.771.430.469</b>	<b>35.085.355.047</b>	<b>38.831.819.344</b>	<b>15.024.966.172</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Lãi vay phải trả	2.526.953.465	2.762.951.840
Lãi chậm thanh toán cổ tức	107.913.153	1.057.982.388
Chi phí thực hiện dự án bản đồ chung cho hạ du Sông Ba	232.859.705	242.761.418
Chi phí bảo vệ lòng hồ NMTĐ K'rong H'năng	-	106.666.400
Chi phí khảo sát lập DADT Sông Bung 3A	3.327.835.548	3.354.407.321
Chi phí dự án khảo sát lập dự án đầu tư NMTĐ Tầm Phục	365.608.494	483.433.043
Chi phí lập PA Phòng chống lũ lụt TĐ Zahung	-	106.881.612
Chi phí phải trả khác	473.736.574	664.574.424
<b>Cộng</b>	<b>7.034.906.939</b>	<b>8.779.658.446</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	8.414.540	-
Cổ tức phải trả	30.874.780.971	24.626.277.308
Phải trả khác	813.792.862	765.625.826
<b>Cộng</b>	<b>31.696.988.373</b>	<b>25.391.903.134</b>

**Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Cổ tức phải trả - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	23.645.000.000	18.916.000.000
<b>Cộng</b>		<b>23.645.000.000</b>	<b>18.916.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	3.439.776.200	-	3.439.776.200
- Ngân hàng Phương Đông CN Trung Việt	-	3.439.776.200	-	3.439.776.200
Vay dài hạn đến hạn trả	67.720.000.000	22.170.000.000	20.820.000.000	69.070.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	5.720.000.000	3.570.000.000	2.220.000.000	7.070.000.000
- Ngân hàng Phương Đông CN Trung Việt	62.000.000.000	18.600.000.000	18.600.000.000	62.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.720.000.000</b>	<b>25.609.776.200</b>	<b>20.820.000.000</b>	<b>72.509.776.200</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	651.624.000.000	-	20.820.000.000	630.804.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	103.624.000.000	-	2.220.000.000	101.404.000.000
- Ngân hàng Phương Đông CN Trung Việt	548.000.000.000	-	18.600.000.000	529.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>651.624.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.820.000.000</b>	<b>630.804.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	67.720.000.000			69.070.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>583.904.000.000</b>			<b>561.734.000.000</b>

**Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng** theo 2 hợp đồng vay vốn tín dụng:

- Tại ngày 07/02/2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 34/2013/VCB-KHDN với hạn mức 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1lần.
- Tại ngày 14/05/2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 162/2014/VCB-KHDN với hạn mức 77.650.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1lần.

Mục đích của khoản vay là để bù đắp vốn tự có của Công ty tham gia đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Khe Diên. Khoản vay được bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và Nhà máy thủy điện Khe Diên.

**Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt** theo hợp đồng vay dài hạn số 024/2015/HĐTD-DN ngày 26/03/2015 với hạn mức 620.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt và được điều chỉnh 1 quý/1lần. Mục đích của khoản vay nhằm tái tài trợ dự án thủy điện Krông H'nh (cho vay mua nợ của Công ty Cổ phần Sông Ba tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Hình thức bảo đảm tiền vay: Nhà máy thủy điện Krông H'nh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	604.882.610.000	(95.000.000)	6.749.952.910	(1.588.920.333)	13.094.426.199	51.769.769.357
Tăng trong kỳ	-	-	510.857.693	-	822.531.476	64.207.111.775
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	51.769.769.357
Số dư tại 31/12/2016	<u>604.882.610.000</u>	<u>(95.000.000)</u>	<u>7.260.810.603</u>	<u>(1.588.920.333)</u>	<u>13.916.957.675</u>	<u>64.207.111.775</u>
Số dư tại 01/01/2017	604.882.610.000	(95.000.000)	7.260.810.603	(1.588.920.333)	13.916.957.675	64.207.111.775
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.213.466.413	54.129.213.116
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	63.571.847.457
Số dư tại 30/06/2017	<u>604.882.610.000</u>	<u>(95.000.000)</u>	<u>7.260.810.603</u>	<u>(1.588.920.333)</u>	<u>15.130.424.088</u>	<u>54.764.477.434</u>

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	236.450.000.000	236.450.000.000
Các cổ đông khác	366.433.310.000	366.433.310.000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1.999.300.000	1.999.300.000
<b>Cộng</b>	<u><b>604.882.610.000</b></u>	<u><b>604.882.610.000</b></u>

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	60.288.331.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.488.261	60.488.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu phổ thông	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	199.930	199.930
- Cổ phiếu phổ thông	199.930	199.930
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu phổ thông	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	64.207.111.775	51.769.769.357
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	54.129.213.116	97.163.871
Phân phối lợi nhuận	63.571.847.457	3.539.104.557
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	63.571.847.457	3.539.104.557
+ Quỹ dự trữ bổ sung	-	510.857.693
+ Quỹ đầu tư phát triển	1.213.466.413	822.531.476
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	889.370.044	1.021.715.388
+ Quỹ thưởng Ban điều hành	500.000.000	500.000.000
+ Chi trả cổ tức	60.288.331.000	-
+ Thù lao HĐQT & BKS	680.680.000	684.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>54.764.477.434</b>	<b>48.327.828.671</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017.

### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 10% (tương ứng 60.288.331.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức này từ tháng 5/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán điện	140.381.285.040	52.862.040.140
Doanh thu cung cấp dịch vụ	273.177.449	-
<b>Cộng</b>	<b>140.654.462.489</b>	<b>52.862.040.140</b>

**22. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn bán điện	44.118.010.242	18.357.270.963
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	262.933.295	-
<b>Cộng</b>	<b>44.380.943.537</b>	<b>18.357.270.963</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	141.932.327	18.949.613
<b>Cộng</b>	<b>141.932.327</b>	<b>18.949.613</b>

**24. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	29.720.145.676	31.459.324.884
Lãi chậm thanh toán cổ tức	285.513.375	86.698.333
Chi phí tài chính khác	550.327	726.953
<b>Cộng</b>	<b>30.006.209.378</b>	<b>31.546.750.170</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	111.627.672	120.058.944
Chi phí nhân công	5.276.008.475	897.618.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.366.241	193.228.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.191.151	404.122.087
Các khoản khác	647.654.521	707.405.208
<b>Cộng</b>	<b>6.622.848.060</b>	<b>2.322.433.071</b>

### 26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu sử dụng điện các hộ dân NM K'ông H'năng	104.325.708	60.093.988
Các khoản khác	16.130.903	27.619.089
<b>Cộng</b>	<b>120.456.611</b>	<b>87.713.077</b>

### 27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí tiền điện các hộ dân NM K'ông H'năng	104.325.708	60.093.988
Phí quản lý niêm yết	66.067.657	66.048.826
Tiền chậm nộp thuế, phí	113.484.608	365.778.338
Chi phí khác	-	3.393.009
<b>Cộng</b>	<b>283.877.973</b>	<b>495.314.161</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.622.972.479	246.934.465
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Khe Diên	16.388.600.789	9.161.706.316
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Krông H'năng	43.136.356.897	(8.888.616.318)
- Hoạt động chính của Trung tâm Tư vấn	-	(3.607.561)
- Hoạt động chính của Văn phòng Công ty	98.014.793	(22.547.972)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	465.065.640	501.918.506
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	465.065.640	501.918.506
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	28.898.073	40.114.044
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	369.848.961	412.362.627
+ Trung tâm Tư vấn	-	2.797.745
+ Văn phòng Công ty	66.318.606	46.644.090
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	60.088.038.119	748.852.971
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Khe Diên (i)	16.417.498.862	725.566.669
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Krông H'năng	43.506.205.858	-
- Thu nhập từ hoạt động của Trung tâm Tư vấn	-	-
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng Công ty (ii)	164.333.399	23.286.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	7.669.069.656	149.770.594
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	3.283.499.773	145.113.334
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	4.350.620.586	-
+ Trung tâm Tư vấn	-	-
+ Văn phòng Công ty	32.866.680	4.657.260
+ Thuế TNDN bổ sung năm trước	2.082.617	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	2.175.310.293	-
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	-	-
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng (50%)	2.175.310.293	-
+ Trung tâm Tư vấn	-	-
+ Văn phòng Công ty	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.493.759.363</b>	<b>149.770.594</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	5.491.676.746	149.770.594
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	3.283.499.773	145.113.334
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	2.175.310.293	-
+ Trung tâm Tư vấn	-	-
+ Văn phòng Công ty	32.866.680	4.657.260
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	2.082.617	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.129.213.116	97.163.871
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng BĐH, thù lao HĐQT và BKS)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.129.213.116	97.163.871
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.288.331	60.288.331
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>898</b>	<b>2</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	676.882.139	651.688.927
Chi phí nhân công	11.230.502.803	3.614.754.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.119.802.963	9.776.323.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.491.244.492	1.059.194.231
Chi phí khác bằng tiền	9.194.915.033	5.600.854.664
<b>Cộng</b>	<b>51.713.347.430</b>	<b>20.702.816.263</b>

**31. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất điện năng và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Đắk Lắk và Tỉnh Phú Yên.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	NMTĐ Khe Diên - Tỉnh Q.Nam		NMTĐ Krông H'Năng - Tỉnh Đăklăk & Phú Yên		VPCT & TTTV-KD AT đập		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	35.880.401.724	20.983.307.261	104.500.883.316	31.878.732.879	273.177.449	140.654.462.489	52.862.040.140	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	
Giá vốn hàng bán	12.769.928.014	5.977.829.130	31.348.082.228	12.379.441.833	262.933.295	44.380.943.537	18.357.270.963	
Doanh thu hoạt động tài chính	30.700	227.400	231.500	345.000	141.670.127	141.932.327	18.949.613	
Chi phí tài chính	4.778.559.113	5.049.647.826	25.227.650.265	26.497.102.344	-	30.006.209.378	31.546.750.170	
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.916.498.435	755.947.345	4.704.689.840	1.565.485.726	1.659.785	6.622.848.060	2.322.433.071	
<b>Lợi nhuận thuần h.động KD</b>	<b>16.415.446.862</b>	<b>9.200.110.360</b>	<b>43.220.692.483</b>	<b>(8.562.952.024)</b>	<b>150.254.496</b>	<b>17.377.213</b>	<b>59.786.393.841</b>	<b>654.535.549</b>
Thu nhập khác	2.052.000	1.710.000	-	-	118.404.611	86.003.077	120.456.611	87.713.077
Chi phí khác	28.898.073	40.114.044	84.335.586	325.664.294	170.644.314	129.535.823	283.877.973	495.314.161
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>(26.846.073)</b>	<b>(38.404.044)</b>	<b>(84.335.586)</b>	<b>(325.664.294)</b>	<b>(52.239.703)</b>	<b>(43.532.746)</b>	<b>(163.421.362)</b>	<b>(407.601.084)</b>
Lợi nhuận trước thuế	16.388.600.789	9.161.706.316	43.136.356.897	(8.888.616.318)	98.014.793	(26.155.533)	59.622.972.479	246.934.465
Thuế TNDN	3.285.023.748	145.113.334	2.175.868.935	-	32.866.680	4.657.260	5.493.759.363	149.770.594
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>13.103.577.041</b>	<b>9.016.592.982</b>	<b>40.960.487.962</b>	<b>(8.888.616.318)</b>	<b>65.148.113</b>	<b>(30.812.793)</b>	<b>54.129.213.116</b>	<b>97.163.871</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Tài sản cố định hữu hình	108.937.108.070	115.064.833.524	1.150.316.388.901	1.170.519.026.260	4.543.750.403	4.648.838.885	1.263.797.247.374	1.290.232.698.669
- Nguyên giá	191.908.064.582	191.229.990.673	1.401.454.456.556	1.401.454.456.556	7.403.096.512	7.403.096.512	1.600.765.617.650	1.600.087.543.741
- Giá trị hao mòn	82.970.956.512	76.165.157.149	251.138.067.655	230.935.430.296	2.859.346.109	2.754.257.627	336.968.370.276	309.854.845.072
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	5.175.261.800	5.181.539.559	5.175.261.800	5.181.539.559
- Nguyên giá	-	-	-	-	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800
- Hao mòn lũy kế	-	-	-	-	302.800.000	296.522.241	302.800.000	296.522.241

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **32. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

##### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	1.871.259.740	-	1.871.259.740
Chi phí phải trả	7.034.906.939	-	7.034.906.939
Vay và nợ thuê tài chính	72.509.776.200	561.734.000.000	634.243.776.200
Phải trả khác	31.688.573.833	-	31.688.573.833
<b>Cộng</b>	<b>113.104.516.712</b>	<b>561.734.000.000</b>	<b>674.838.516.712</b>

<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	5.910.174.163	-	5.910.174.163
Chi phí phải trả	8.779.658.446	-	8.779.658.446
Vay và nợ thuê tài chính	67.720.000.000	583.904.000.000	651.624.000.000
Phải trả khác	25.391.903.134	-	25.391.903.134
<b>Cộng</b>	<b>107.801.735.743</b>	<b>583.904.000.000</b>	<b>691.705.735.743</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.360.932.969	-	7.360.932.969
Phải thu khách hàng	54.078.366.446	-	54.078.366.446
Phải thu khác	435.541.560	2.004.000.000	2.439.541.560
<b>Cộng</b>	<b>61.874.840.975</b>	<b>2.004.000.000</b>	<b>63.878.840.975</b>

<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.819.783.143	-	14.819.783.143
Phải thu khách hàng	48.425.521.593	-	48.425.521.593
Phải thu khác	714.461.496	2.004.000.000	2.718.461.496
<b>Cộng</b>	<b>63.959.766.232</b>	<b>2.004.000.000</b>	<b>65.963.766.232</b>

### 33. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Công ty mua bán điện	Công ty đầu tư, đồng thời là Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

		6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	35.867.506.955	20.975.412.420
	Cổ tức phải trả	23.645.000.000	-
	Cổ tức đã trả	18.916.000.000	23.645.000.000
Công ty mua bán điện	Doanh thu bán điện	104.500.883.316	31.878.732.879

### c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị	550.000.000	552.300.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	825.822.583	621.426.289

### 34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng